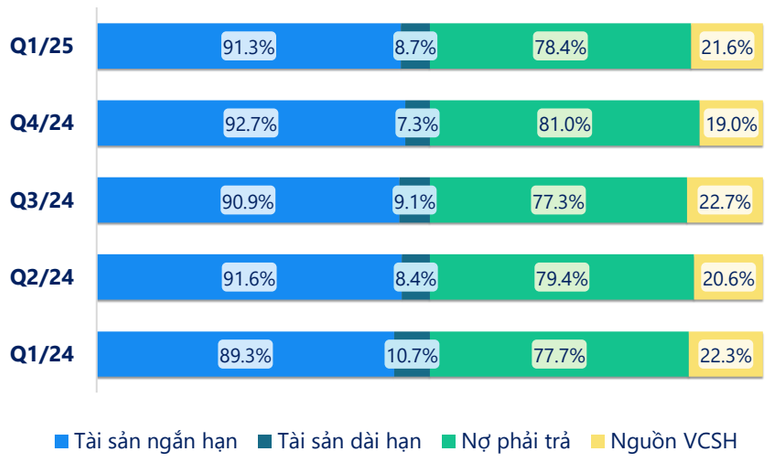
CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,048
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,300
SL cổ phiếu LH	88,415,751
KLGD BQ 20 phiên (CP)	285,515
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,034
P/E	8.7
EPS	1,349

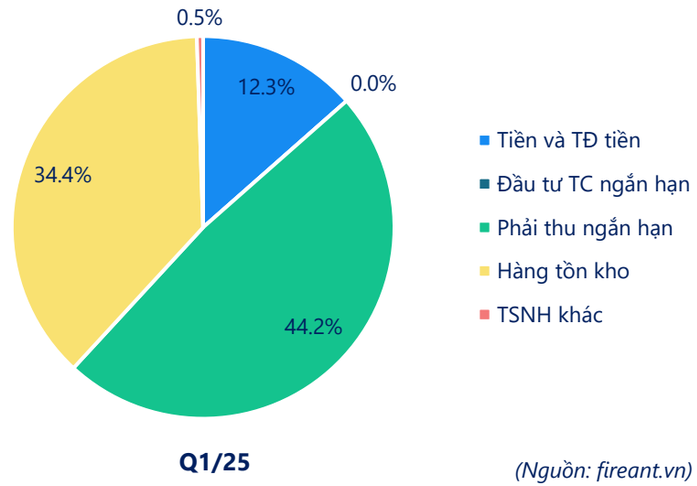
	YTD	1T	3T	6T
VPG	-2.5%	-6.4%	-4.1%	-16.1%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



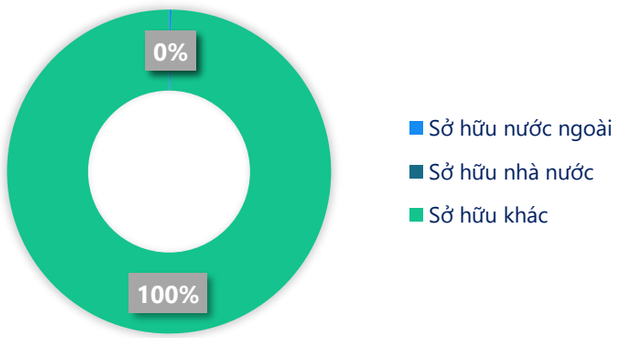
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



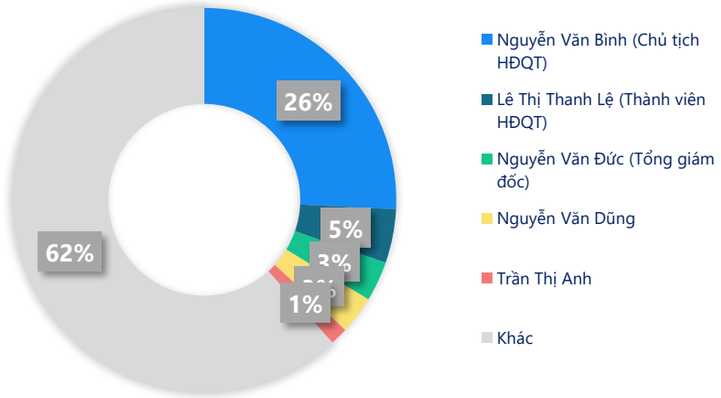
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



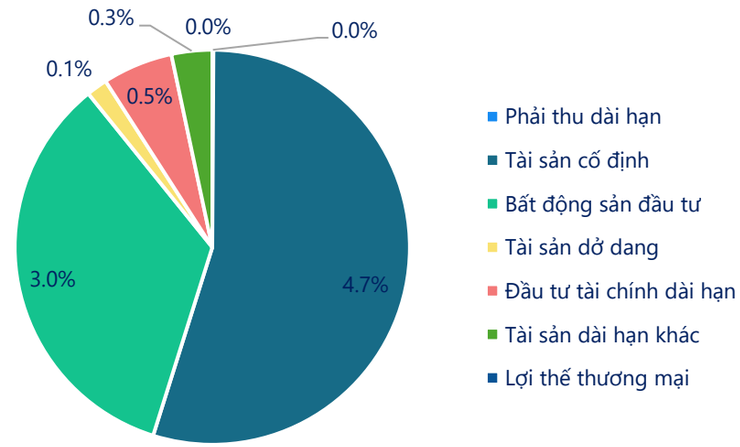
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

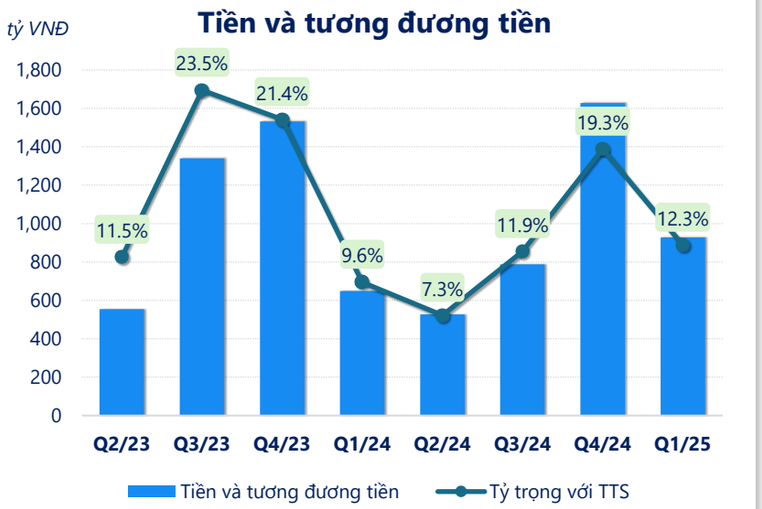


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

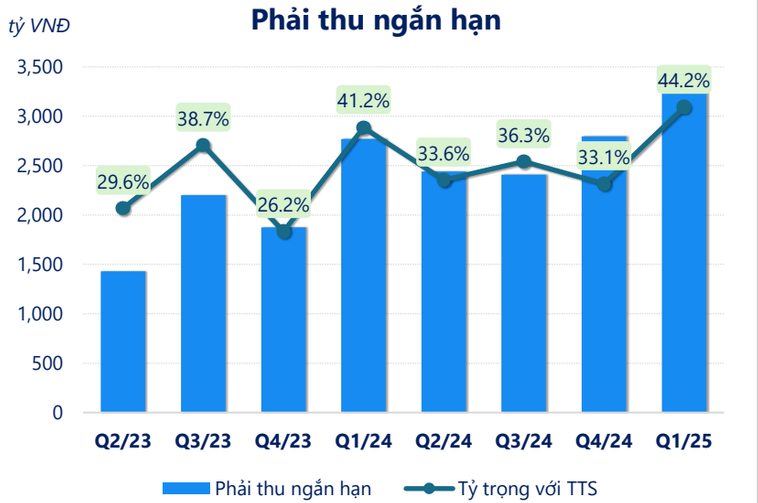
CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)

Tiền và tương đương tiền



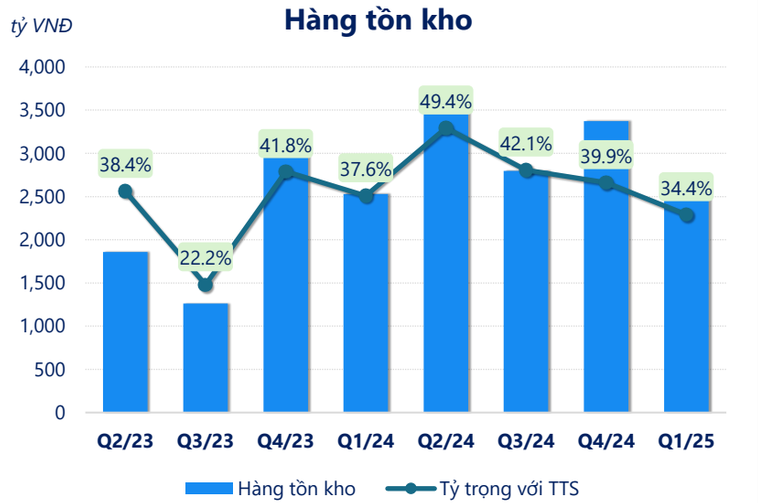
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



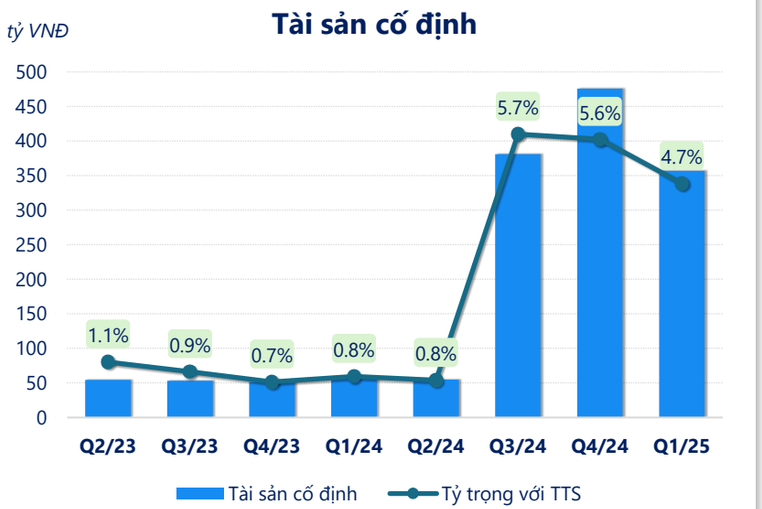
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



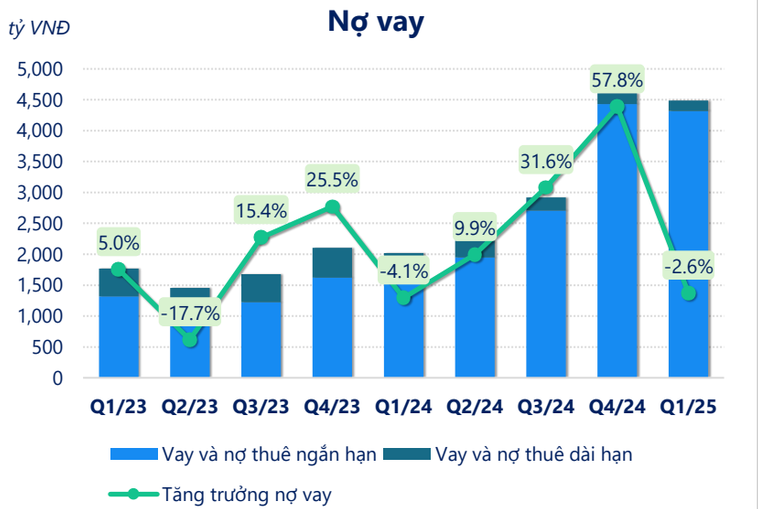
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



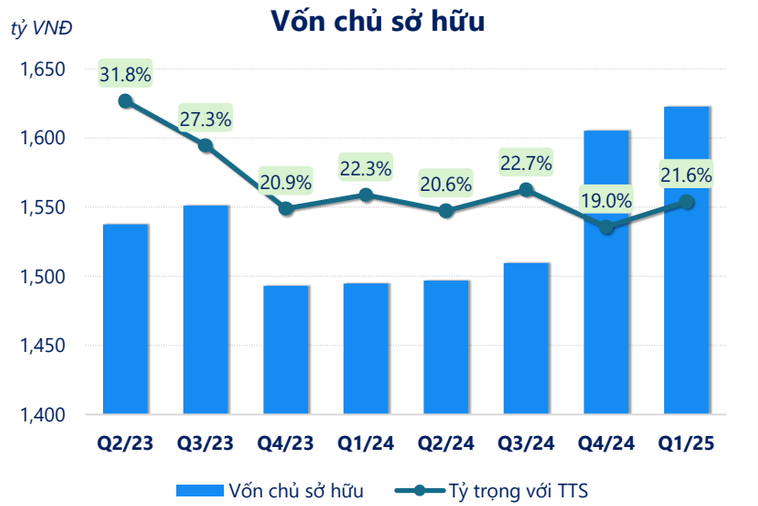
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

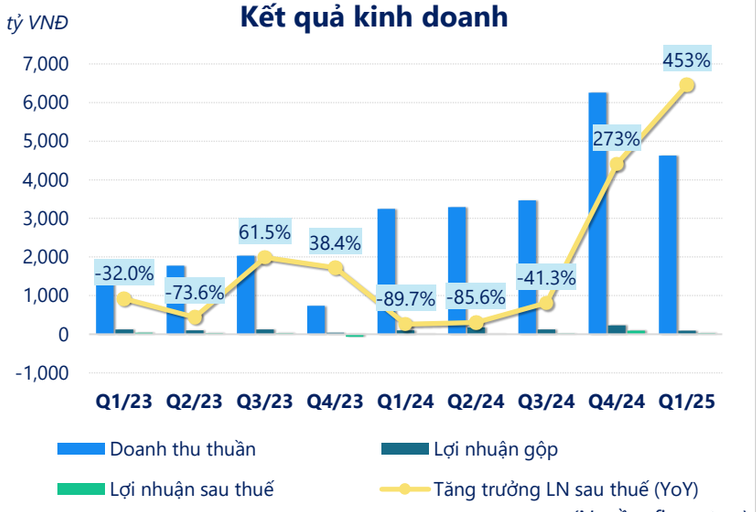


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

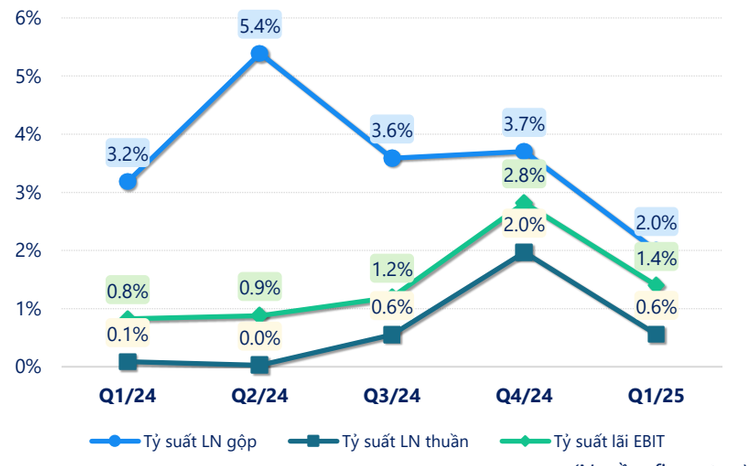
CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)

Kết quả kinh doanh



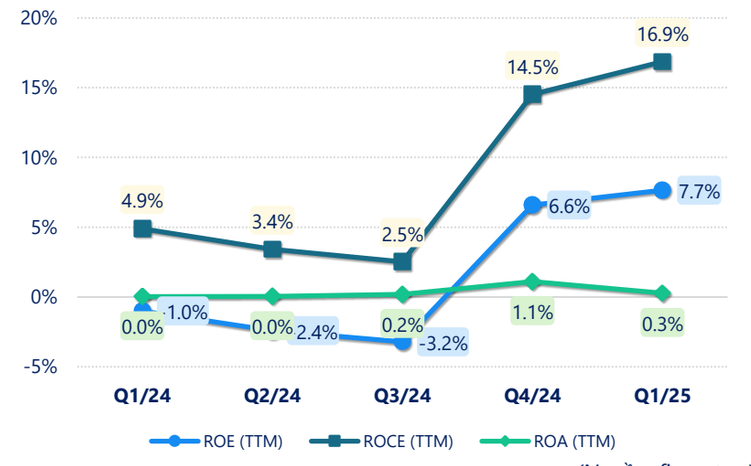
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



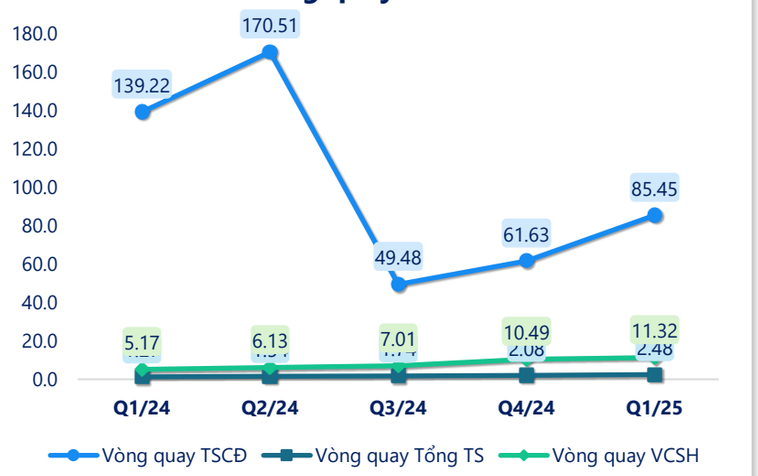
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



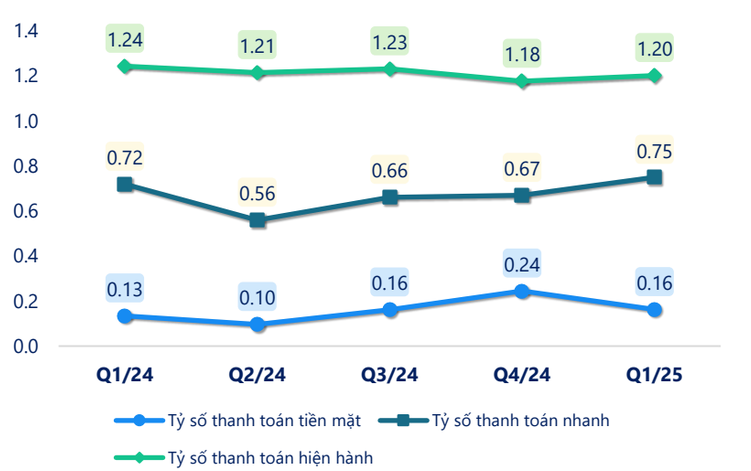
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



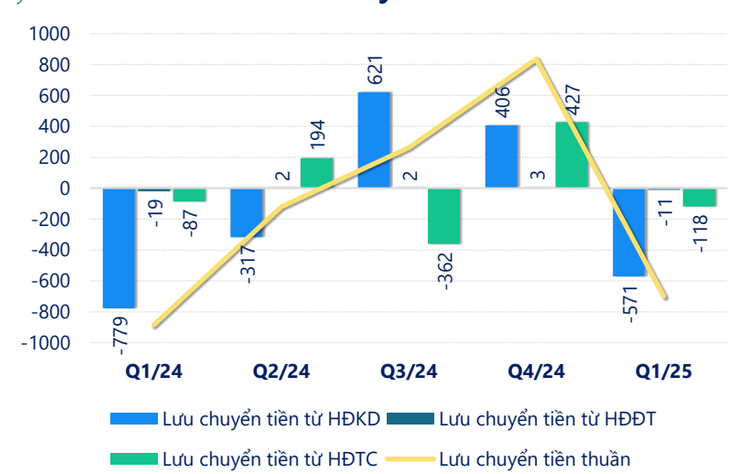
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,524**	**8,457**	**-11.0%**
Tài sản ngắn hạn	6,873	7,823	-12.2%
Tiền và tương đương tiền	927	1,628	-43.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.26	-100%
Phải thu ngắn hạn	3,323	2,796	18.9%
Hàng tồn kho	2,586	3,357	-23.0%
Tài sản ngắn hạn khác	36.1	41.4	-12.7%
Tài sản dài hạn	**652**	**634**	**2.8%**
Phải thu dài hạn	0.62	0.62	0.0%
Tài sản cố định	357	358	-0.3%
Bất động sản đầu tư	224	142	58.0%
Tài sản dở dang	11.2	75.9	-85.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	37.5	37.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**21.7**	**20.1**	**8.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,902	6,855	-13.9%
Nợ ngắn hạn	**5,721**	**6,669**	**-14.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,317	4,432	-2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,244	1,947	-36.1%
Nợ dài hạn	181	187	-3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	172	176	-2.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,623**	**1,602**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,623**	**1,602**	**1.3%**
Vốn điều lệ	884	884	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	3,244	3,289	3,465	6,259	4,625
Giá vốn hàng bán	3,141	3,112	3,340	6,027	4,532
Lợi nhuận gộp	103	177	124	232	92.3
Doanh thu HĐTC	15.0	38.8	51.0	60.7	25.6
Chi phí TC	56.5	97.3	90.3	69.3	40.3
Chi phí lãi vay	24.1	26.1	24.4	56.3	38.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	39.1	79.9	45.3	73.3	29.7
Chi phí QLDN	19.8	38.1	20.7	26.5	22.2
LN thuần từ HĐKD	2.78	0.86	19.1	123	25.6
Lợi nhuận khác	-0.11	2.03	-2.13	-3.21	0.76
LN trước thuế	2.67	2.88	17.0	120	26.4
Lợi nhuận sau thuế	1.77	2.03	12.9	95.6	20.8
LNST của CĐ cty mẹ	1.79	2.06	11.9	86.4	19.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-779	-317	621	406	-571
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.4	1.60	1.78	3.33	-11.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-87.1	194	-362	427	-118
Tiền đầu kỳ	1,532	648	526	788	1,628
Lưu chuyển tiền thuần	**-885**	**-121**	**262**	**836**	**-701**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.84	-0.84	0	4.68	0
Tiền cuối kỳ	648	526	788	1,628	927

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic